

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/DS-ST

Ngày 17/8/2018

(V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến.
2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TL-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Đức T, sinh năm 1952 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn HT, xã TB, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Quang T2, sinh năm 1976 (*Có mặt*);

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1981 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Thôn KL, xã TQ, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị L, sinh năm 1959 (*là vợ ông T, có mặt*).

Địa chỉ: Thôn HT, xã TB, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Phạm Đức T trình bày:

Ngày 29/7/2016 Âm Lịch (tức ngày 31/8/2016 Dương Lịch), vợ chồng ông có cho vợ chồng anh Lê Quang T2 và chị Phạm Thị H vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 1%/1 tháng, thời hạn vay là 1 năm, có viết giấy vay tiền và chữ ký của hai bên. Từ khi vay đến nay, anh T2 và chị H mới trả cho vợ chồng ông 5.000.000đồng tiền lãi. Từ tháng 02/2017 đến nay, anh T2 và chị H chưa trả cho vợ chồng ông đồng nào. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh T2 và chị H trả số tiền gốc đã vay là 100.000.000đồng và số tiền lãi tính từ ngày 01/02/2017 đến hết tháng 6/2018 là 17 tháng $\times 1\%/tháng = 17.000.000đồng$. Tổng cộng là 117.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải vợ chồng ông thống nhất nếu vợ chồng anh T2, chị H thanh toán ngay cho vợ chồng ông 50.000.000đồng thì vợ chồng ông sẽ cho anh T2, chị H nợ 50.000.000đồng tiền gốc và 17.000.000đồng tiền lãi, thanh toán trong vòng 01 năm kể từ ngày cam kết có hiệu lực. Tại phiên tòa, vợ chồng ông thống nhất nếu vợ chồng anh T2, chị H thanh toán cho vợ chồng ông 30.000.000đồng trước tết Âm Lịch 2019 thì vợ chồng ông sẽ cho anh T2, chị H trả nợ dần. Tuy nhiên, anh T2, chị H không đồng ý nên ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh T2, chị H phải thanh toán cho vợ chồng ông cả gốc và lãi là 117.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông T.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Lê Quang T2 và chị Phạm Thị H trình bày:

Anh chị nhất trí với phần trình bày của ông T và bà L về việc anh chị có vay của ông T bà L số tiền 100.000.000đồng với lãi suất thỏa thuận là 1%/1 tháng, thời hạn vay là 1 năm, có viết giấy vay tiền, mục đích để kinh doanh lúa gạo. Anh chị mới thanh toán lãi được hết tháng 01/2017. Từ tháng 02/2017 đến nay vợ chồng chị chưa thanh toán được khoản tiền nào. Nay ông T kiện yêu cầu trả số tiền cả gốc và lãi là 117.000.000 đồng, anh chị đồng ý. Tại phiên hòa giải, anh chị đề nghị được trả trả nợ dần do làm ăn thua lỗ, mỗi năm trả 6.000.000đồng; tại phiên tòa, anh chị đề nghị mỗi năm trả 10.000.000đồng. Do vợ chồng ông T bà L không đồng ý nên anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là tiền, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T1 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung: Anh Lê Quang T2 và chị Phạm Thị H có vay của vợ chồng ông T số tiền 100.000.000đ vào ngày 29/7/2016 Âm Lịch (tức ngày 31/8/2016 Dương Lịch) với lãi suất thỏa thuận là 1%/1 tháng, thời hạn vay là 1 năm là đúng sự thật được thể hiện trong nội dung giấy vay tiền hai bên đã ký, anh T2, chị H cũng thừa nhận. Từ khi vay đến nay anh T2 và chị H mới trả cho vợ chồng ông T 5.000.000đ tiền lãi. Do vậy cần buộc anh T2 và chị H trả toàn bộ tiền gốc đã vay cho ông T.

Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lãi suất cho vay:

“1.Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm; Như vậy, lãi suất do các bên thỏa thuận sẽ không được vượt quá: $9\% \times 150\% = 13,5\%/năm$. Ông T cho anh T2, chị H vay lãi suất 1%/1 tháng = 12%/năm là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn cần được chấp nhận.

3. Về án phí: Bị đơn phải trả số tiền cả gốc và lãi là 117.000.000 đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $(117.000.000 \times 5\%) = 5.850.000$ đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp được hoàn trả.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471; khoản 1 Điều 474; khoản 2 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội **về án phí và lệ phí tòa án.**

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là ông Phạm Đức T.

Buộc vợ chồng anh Lê Quang T2 và chị Phạm Thị H trả ông Phạm Đức T và bà Lê Thị L số tiền 117.000.000đ (*một trăm mười bảy triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Vợ chồng anh Lê Quang T2, chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ

thảm là 5.850.000 đồng (*năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Trả lại ông Phạm Đức T 2.925.000 đồng (*hai triệu chín trăm hai mươi năm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001482 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 248 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 17/8/2018./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền